

Số: 105/CBTT-CDC
No.: /CBTT-CDC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
To: Vietnam Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Chương Dương/ Chuong Duong Corporation

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code: CDC/ CDC

- Địa chỉ/Address: 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam/ 328 Vo Van Kiet Street, Co Giang Ward, District 1, HCM City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/Tel.: (84.28) 3836 7734 - Fax: (84.28) 3836 0582

- E-mail: info@cdcorp.vn - Website: https://chuongduongcorp.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Chương Dương (“CDC”) xin được đính chính nội dung đã công bố thông tin Báo cáo tài chính của Công ty mẹ (Báo cáo tài chính tổng hợp) & Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán công bố vào ngày 07/4/2023 với Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM như dưới đây:

Do lỗi nhân viên in ấn và cập nhật lên hệ thống, nhân viên in ấn và trình ký không soát xét kỹ dẫn đến sơ suất về số liệu, làm ảnh hưởng đến số liệu như sau:

- Thông tin trên bảng Thuyết minh báo tài chính của Công ty mẹ (Báo cáo tài chính tổng hợp): có thay đổi như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung trước khi đính chính	Nội dung sau khi đính chính
(1)	(2)	(3)
Trang số 23 của TMBCTC	Tỷ lệ vốn góp vào Cty CP Tháp Nam Việt: 40.9%	Tỷ lệ vốn góp vào Cty CP Tháp Nam Việt: 26%
Trang số 25 của TMBCTC	Phải thu khác (dự phòng): (4.281.907.354đ)	Phải thu khác (dự phòng): (4.116.926.573đ)
Trang số 25 của TMBCTC	Không thuyết minh thông tin dự phòng	Thuyết minh thêm thông tin dự phòng
Trang số 32 của TMBCTC	Không thuyết minh vay các bên liên quan	Bổ sung thêm vay các bên liên quan

- Tình hình biến động chi phí và lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán có sự chênh lệch với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất đã công bố thông tin ngày 07/04/2023 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung trước khi đính chính	Nội dung sau khi đính chính
(1)	(2)	(3)
Trang số 8 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn hàng bán: 1.263.170.764.138đ - CP Quản lý doanh nghiệp: 43.293.433.278đ - CP thuế TNDN hiện hành: 2.924.180.794đ - CP thuế TDN hoãn lại: 587.175.295đ - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 8.564.708.271đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn hàng bán: 1.266.173.273.862đ - CP Quản lý doanh nghiệp: 45.392.884.758đ - CP thuế TNDN hiện hành: 2.656.247.577đ - CP thuế TDN hoãn lại: (1.341.242.022)đ - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 5.866.304.281đ
Trang số 6-7 của Bảng cân đối kế toán hợp nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng tài sản ngắn hạn: 1.447.118.040.615 đ - Tổng tài sản dài hạn: 209.709.667.322 đ - Nợ phải trả: 1.29.668.758.952đ - Vốn chủ sở hữu: 327.158.948.985đ 	<p>Vì những thay đổi ở thay đổi ở báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được nêu ở trên, nên đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trình bày trên bảng cân đối kế toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng tài sản ngắn hạn: 1.442.068.283.853 đ - Tổng tài sản dài hạn: 201.894.488.190 đ - Nợ phải trả: 1.327.915.549.271đ - Vốn chủ sở hữu: 316.047.222.772đ
Trang số 9 của Lưu chuyển tiền tệ	<ul style="list-style-type: none"> - Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD: (249.903.441.490)đ - Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT: 17.526.577.630đ - Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT tài chính: 170.460.719.147đ - Tiền và tương đương tiền cuối kỳ: (36.604.422.168)đ 	<p>Vì những thay đổi ở thay đổi ở báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được nêu ở trên, nên đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trình bày trên bảng cân đối kế toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD: (152.715.292.496)đ - Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT: 52.935.514.212đ - Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT tài chính: 167.307.430.623đ - Tiền và tương đương tiền cuối kỳ: 92.839.374.434đ

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/04/2023 tại đường dẫn <https://chuongduongcorp.vn> /This information was published on the company's website on 14/04/2023, as in the link <https://chuongduongcorp.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

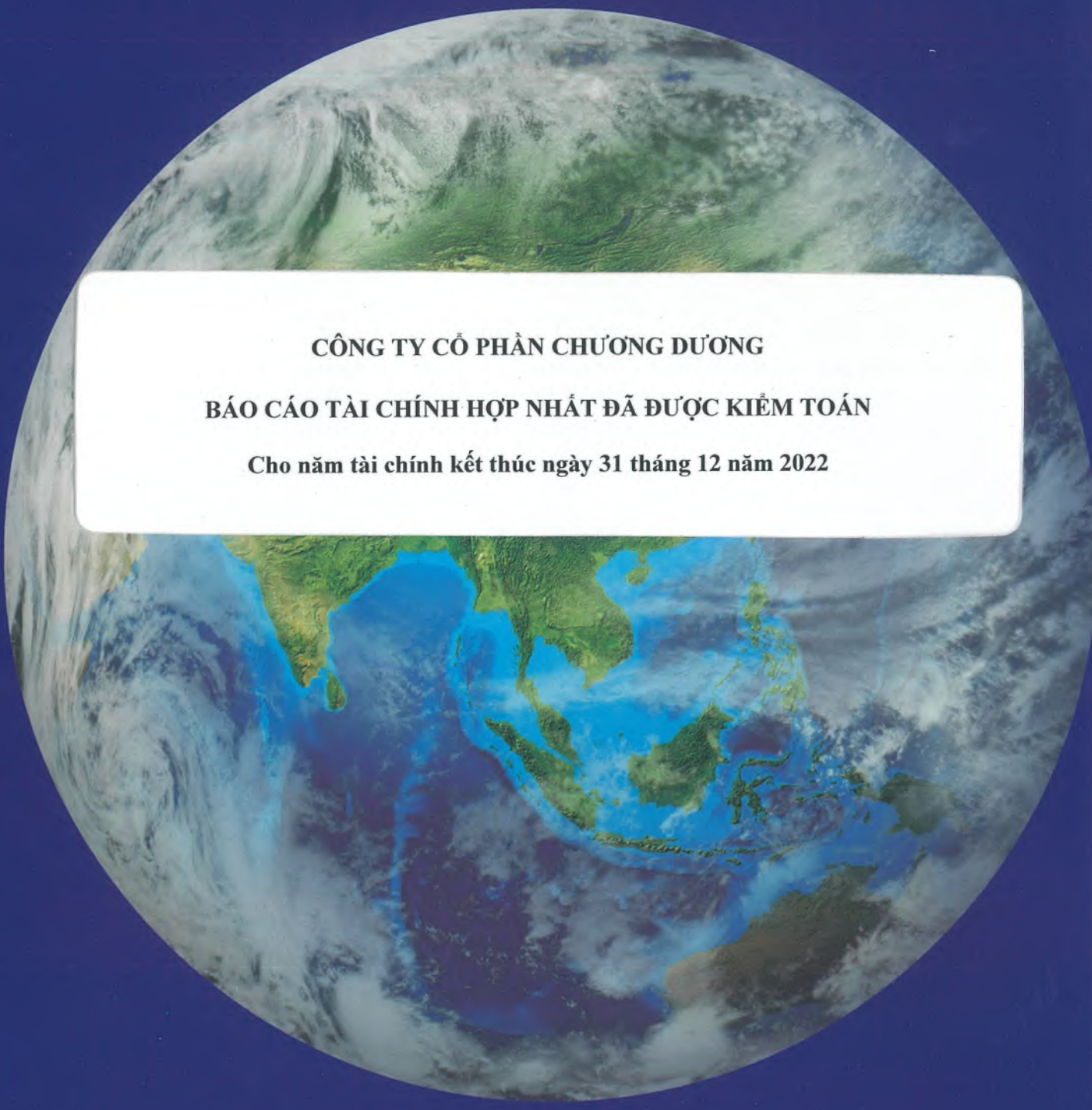


Chamal

TỔNG GIÁM ĐỐC

Văn Minh Hoàng





CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 50

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chương Dương trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chương Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 (nay là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP) theo Quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303146167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2003 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thứ 15 vào ngày 09/02/2021.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: CHUONG DUONG CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: CHUONGDUONG CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303146167 thay đổi lần thứ 15 ngày 09/02/2021 là 219.887.160.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm mười chín tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CDC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Đình Thuần	Chủ tịch
Ông Trần Mai Cường	Thành viên
Ông Văn Minh Hoàng	Thành viên
Ông Lê Văn Chính	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Tùng	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 29/11/2022)
Ông Trần Việt Đức	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/10/2022)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Minh Thành	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên
Ông Đào Văn Sơn	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 29/11/2022)
Ông Nguyễn Chí Tùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/10/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Văn Minh Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/6/2022)
Ông Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/7/2022)
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/9/2022)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Văn Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023

N: C
CÔN
TN
KIỂM
PAV
CH

Số: 124/2023/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chương Dương, được lập ngày 07/4/2023 từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về thông tin việc khởi kiện trường Đại học Tôn Đức Thắng của Công ty Cổ phần Chương Dương.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 08/4/2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQCN-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2023

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.442.068.283.853	1.083.605.214.094
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	92.839.374.434	25.311.722.545
1. Tiền	111		40.800.765.132	21.750.572.116
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.038.609.302	3.561.150.429
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		354.251.909.220	399.174.045.517
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	908.159.855	908.517.005
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(190.336.530)	(136.504.730)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	353.534.085.895	398.402.033.242
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		732.656.836.588	428.715.785.398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	574.739.703.863	446.505.419.818
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	182.508.308.557	14.098.666.037
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	5.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	53.707.850.898	49.650.565.930
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(83.372.798.093)	(81.612.637.750)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		73.771.363	73.771.363
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	243.168.716.619	218.688.903.616
1. Hàng tồn kho	141		243.168.716.619	218.688.903.616
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.151.446.992	11.714.757.018
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	3.909.308.109	1.209.922.817
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.235.119.650	10.266.834.201
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	2.007.019.233	238.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		201.894.488.190	203.413.777.117
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		741.658.000	133.658.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	741.658.000	133.658.000
II. Tài sản cố định	220		121.940.602.531	121.345.668.582
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	48.541.347.986	54.518.668.582
- Nguyên giá	222		152.078.294.209	151.161.660.535
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.536.946.223)	(96.642.991.953)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	6.572.254.545	-
- Nguyên giá	225		6.616.363.636	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(44.109.091)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	66.827.000.000	66.827.000.000
- Nguyên giá	228		66.827.000.000	66.827.000.000
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	41.030.670.148	42.839.006.728
1. Nguyên giá	231		65.004.722.217	65.004.722.217
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.974.052.069)	(22.165.715.489)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.14	28.827.137.312	28.703.807.112
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		28.703.807.112	28.703.807.112
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		123.330.200	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.022.038.531	8.022.038.531
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	722.038.531	722.038.531
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	6.300.000.000	7.300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.332.381.668	2.369.598.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2.217.313.727	2.254.530.223
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.15	115.067.941	115.067.941
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.643.962.772.043	1.287.018.991.211

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.327.915.549.271	975.950.751.900
I. Nợ ngắn hạn	310		1.142.834.533.851	901.160.357.579
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	216.463.330.444	129.093.338.103
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	266.080.615.728	165.014.115.133
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	9.885.772.378	13.299.019.093
4. Phải trả người lao động	314		9.594.160.495	7.345.913.028
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	85.102.441.043	84.707.395.570
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	13.110.993.903	19.012.029.113
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.22	516.804.734.211	452.411.630.637
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.21	21.738.471.832	24.915.121.600
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.054.013.817	5.361.795.302
II. Nợ dài hạn	330		185.081.015.420	74.790.394.321
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		152.667.727	152.667.727
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	7.116.144.692	6.765.727.135
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.22	157.074.898.272	45.793.452.708
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.15	19.696.911.687	21.038.153.709
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.21	1.040.393.042	1.040.393.042
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		316.047.222.772	311.068.239.311
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.23	316.047.222.772	311.068.239.311
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		219.887.160.000	219.887.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		219.887.160.000	219.887.160.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.318.909.600	14.318.909.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.159.467.223	4.121.984.965
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.545.489.243	40.542.868.025
- LNST chưa phân phối lũy kế				
- đến cuối kỳ trước	421a		38.895.562.180	10.845.549.055
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.649.927.063	29.697.318.970
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		32.136.196.706	32.197.316.721
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.643.962.772.043	1.287.018.991.211

Người lập biểu



Cao Thị Thanh Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Mỹ

Tổng Giám đốc

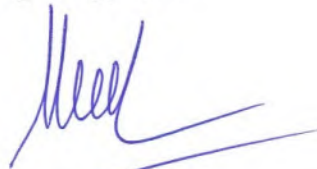


Văn Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.325.835.260.693	769.063.338.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	583.033.840	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	1.325.252.226.853	769.063.338.995
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	1.266.173.273.862	722.483.307.495
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		59.078.952.991	46.580.031.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	19.509.481.557	22.010.913.533
7. Chi phí tài chính	22	6.6	40.267.396.578	12.796.041.038
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.938.925.310	12.695.084.541
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(77.370.056)
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	3.295.361.978	1.927.176.758
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	45.392.884.758	35.921.160.468
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(10.367.208.766)	17.869.196.713
12. Thu nhập khác	31	6.8	20.038.627.415	19.694.136.637
13. Chi phí khác	32	6.8	2.490.108.813	1.447.340.665
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	17.548.518.602	18.246.795.972
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		7.181.309.836	36.115.992.685
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.656.247.577	5.326.150.689
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(1.341.242.022)	137.170.087
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.866.304.281	30.652.671.909
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.649.927.063	29.697.318.970
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.216.377.218	955.352.939
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	211	1.292

Người lập biểu



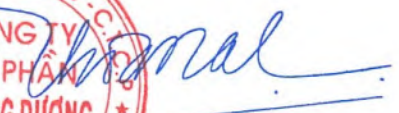
Cao Thị Thanh Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Mỹ

Tổng Giám đốc

Văn Minh Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.181.309.836	36.115.992.685
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		9.611.322.841	6.216.390.314
- Các khoản dự phòng	03		(1.362.657.625)	10.810.916.763
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(423.863.939)	(927.270.912)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.358.755.613)	(21.006.278.965)
- Chi phí lãi vay	06		38.938.925.310	12.695.084.541
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.586.280.810	43.904.834.426
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(304.536.884.041)	(276.841.437.116)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.479.813.003)	(1.501.229.156)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		189.323.841.339	44.377.373.056
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.662.168.796)	(2.784.718.726)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		357.150	347.666.800
- Tiền lãi vay đã trả	14		(38.057.346.002)	(12.445.965.381)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.157.350.098)	(1.332.402.787)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.732.210.305)	165.745.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(152.715.292.946)	(206.110.133.278)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.176.826.872)	(13.808.156.534)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.491.566.594	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.505.474.922)	(315.539.085.556)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		70.373.422.269	268.287.010.034
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(43.205.468.838)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.752.877.143	18.175.916.583
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		52.935.514.212	(86.089.784.311)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ cho vay	33		1.035.015.380.966	530.004.520.584
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(864.102.058.343)	(261.428.015.023)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.795.500.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.810.392.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		167.307.430.623	268.576.505.561
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		67.527.651.889	(23.623.412.028)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.311.722.545	48.935.134.573
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	92.839.374.434	25.311.722.545

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023

Người lập biểu

Cao Thị Thanh Hiếu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Mỹ

Tổng Giám đốc

Vân Minh Hoàng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chương Dương được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 (nay là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP) theo Quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303146167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2003 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thứ 15 vào ngày 09/02/2021.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: CHUONG DUONG CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: CHUONGDUONG CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303146167 thay đổi lần thứ 15 ngày 09/02/2021 là 219.887.160.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm mười chín tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CDC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 31/12/2022 là 174 người (tại ngày 31/12/2021 là 161 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm: Xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, đầu tư và kinh doanh các dự án bất động sản, xây dựng các công trình giao thông, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng và cung cấp các dịch vụ quản lý nhà.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.4 Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các Công ty con, một Công ty liên kết và một đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty TNHH MTV Kết cấu thép Chương Dương	328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Gia công kết cấu thép	100,00%	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Lầu 9, tòa nhà văn phòng Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý tòa nhà Chương Dương - Serland	Tầng 3 (Khối đế), Lô B, Số 328-330 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quản lý tòa nhà	100,00%	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư XD Chương Dương	328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ tư vấn xây dựng	88,96%	88,96%	88,96%
5	Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương số 1	76/50 Lê Văn Phan P.Phú Thọ Hoà, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân phú, TP. Hồ Chí Minh	Thi công xây dựng	66,67%	66,67%	66,67%
6	Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sai Gòn	A1003 Lầu 10, Lô A - Tòa nhà Central Garden, 225 Bến Chương Dương, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Thi công xây dựng	90,00%	90,00%	90,00%
7	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 525	673 Trường Chinh, Phường Hòa Phát, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	Thi công xây dựng	71,08%	71,08%	71,08%
8	Công ty TNHH Chương Dương E&C (i)	Tầng 3 (Khối đế), Lô B, Số 328 - 330 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thi công xây dựng	100,00%	0,00%	0,00%
Các Công ty liên kết						
1	Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Tầng 3, Khu dịch vụ - thương mại, Cao ốc Central Garden, Số 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, thi công xây dựng	26,00%	40,90%	26,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.4 Cấu trúc Doanh nghiệp (Tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT-CDC ngày 20/6/2022, Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phương án thành lập Công ty TNHH Chương Dương E&C với hoạt động chính là thi công xây dựng công trình. Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty con này. Công ty xác định Công ty TNHH Chương Dương E&C là Công ty con do Công ty Cổ phần Chương Dương có quyền bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số các thành viên trong Ban điều hành của Công ty TNHH Chương Dương E&C.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2022 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chương Dương - Xí nghiệp Bê tông Xây lắp Chương Dương (i)	Áp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

(i) Đơn vị trực thuộc này tạm ngưng hoạt động từ năm 2011.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam..

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (vay): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Công ty có giao dịch ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định chế độ kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định Chế độ kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	25 - 30
Tòa nhà văn phòng	25 - 30

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê tài sản hữu hình để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí trả trước ngắn hạn khác

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 12 tháng.

Chi phí thi công nội thất

Chi phí thi công nội thất được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng và các tổ chức khác; trái phiếu phát hành không có điều khoản chuyển đổi thành cổ phiếu.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay vào giá trị của các dự án kinh doanh bất động sản với tổng số tiền là 8.407.047.451 VND (năm trước: 7.012.529.519 VND).

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí liên quan đến các dự án: Trích trước khi thực tế đã phát sinh nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn chứng từ liên quan.
- Chi phí lãi vay: Trích trước dựa trên nợ gốc, lãi suất áp dụng, và số ngày tính lãi.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Trợ cấp thôi việc cho nhân viên, được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31/12/2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31/12/2008 theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao Động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (thép, vật liệu xây dựng), doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ tiện ích đi kèm hoạt động cho thuê), doanh thu kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà ở xã hội), doanh thu xây lắp.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu kinh doanh bất động sản là doanh thu cho thuê nhà ở xã hội tại Dự án Chương Dương Home.

Doanh thu cho thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ dần vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán, cung cấp dịch vụ, giá vốn kinh doanh bất động sản và giá vốn hoạt động xây lắp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản và hoạt động xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với các mức thuế suất như sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội: Áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty chịu ảnh hưởng về các loại hình hàng hóa dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh (bất động sản; xây dựng; dịch vụ; thương mại). Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý do Công ty chỉ hoạt động duy nhất tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.720.399.341	1.244.061.854
Tiền gửi ngân hàng	39.080.365.791	20.506.510.262
Các khoản tương đương tiền (i)	52.038.609.302	3.561.150.429
Tổng	92.839.374.434	25.311.722.545

(i) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất áp dụng từ 4,8%/năm đến 5,3%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	908.159.855		(190.336.530)	908.517.005
Trong đó chủ yếu:				
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Mã giao dịch: PVF) (i)	673.329.125	(i)	-	673.329.125
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (Mã giao dịch: HOM) (ii)	105.289.800	28.080.000	(77.209.800)	105.289.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Mã giao dịch: ICF) (ii)	92.551.230	7.095.000	(85.456.230)	92.551.230
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Mã giao dịch: PVX) (ii)	36.989.700	9.319.200	(27.670.500)	36.989.700
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Mã giao dịch: VCB) (ii)	-	-	-	195.200
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Việt Nam (Mã giao dịch: REE) (ii)	-	-	-	161.950
Tổng	908.159.855		(190.336.530)	908.517.005
				(136.504.730)

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết trên thị trường do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 30/12/2022 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	353.534.085.895	353.534.085.895	398.402.033.242	398.402.033.242
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	353.534.085.895	353.534.085.895	398.402.033.242	398.402.033.242
Tổng	353.534.085.895	353.534.085.895	398.402.033.242	398.402.033.242

(i) Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất áp dụng từ 3,7%/năm đến 6,8%/năm. Trong đó, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 5.22) với giá trị tại ngày 31/12/2022 là 203.000.000.000 VND (tại ngày 31/12/2021: 218.000.000.000 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CP Tháp Việt Nam	40,86%	40,86%	1.300.000.000	722.038.531	1.300.000.000	722.038.531
Tổng			1.300.000.000	722.038.531	1.300.000.000	722.038.531

	Tỷ lệ		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư khác						
Công ty Cổ phần Xây dựng CIENCOS			6.300.000.000	-	7.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng			300.000.000	(i)	300.000.000	(i)
Tái tạo Châu Á	4,89%	4,89%	6.000.000.000	(i)	6.000.000.000	(i)
Góp vốn Dự án Đất Gia Lai (ii)			-	-	1.000.000.000	(i)
Tổng			6.300.000.000	-	7.300.000.000	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết trên thị trường do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Công ty phân loại lại khoản góp vốn Dự án Đất Gia Lai vào khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5.6).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 (Trình bày lại) VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	574.739.703.863	446.505.419.818
Công ty Cổ phần Sơn Nesfor Việt Nam	44.751.185.085	49.477.636.449
Phải thu các đối tượng khác	529.988.518.778	397.027.783.369
Tổng	574.739.703.863	446.505.419.818
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	2.550.444.043	5.133.217.935

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	-	7.352.057.364
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	-	5.707.200.000
Trả trước cho các cá nhân chuyên nhượng đất tại dự án Bà Điểm, Hóc Môn	64.699.450.000	-
Công ty Cổ phần Sơn Nesfor Việt Nam	15.506.136.000	-
Các đối tượng khác	102.302.722.557	1.039.408.673
Tổng	182.508.308.557	14.098.666.037
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	161.905.019	161.905.019

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hoàng Hải	5.000.000.000	-
Tổng	5.000.000.000	-

(i) Khoản cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Hải theo Hợp đồng vay vốn số 2610/2022/HĐVT/CDC-HHI ngày 26/10/2022 với số tiền cho vay là 5.000.000.000 VND, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay vốn với lãi suất 08%/năm. Mục đích vay vốn: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	53.707.850.898	(2.208.541.539)	49.650.565.930	(2.009.401.157)
Dự án đất ở Gia Lai	1.000.000.000	-	-	-
Phải thu về cho vay - CTCP Đầu tư Hoàng Hải	-	-	9.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.417.364.612	-	2.907.732.438	-
Tạm ứng cho nhân viên	33.161.351.600	-	32.971.259.676	-
Ký cược, ký quỹ	284.522.000	-	285.522.000	-
Phải thu khác	15.844.612.686	(2.208.541.539)	4.486.051.816	(2.009.401.157)
Dài hạn	741.658.000	-	133.658.000	-
Ký cược, ký quỹ	741.658.000	-	133.658.000	-
Tổng	54.449.508.898	(2.208.541.539)	49.784.223.930	(2.009.401.157)

5.7 Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khách hàng	79.885.090.876	2.837.760.895	79.885.090.876	4.398.780.856
Sở Thẻ dự thể thao TP. Hồ Chí Minh	2.872.953.570	-	2.872.953.570	-
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	3.845.755.611	-	3.845.755.611	-
Công ty Cổ phần Phát triển địa ốc CIENCO5	25.995.635.124	-	25.995.635.124	-
Các đối tượng khác	47.170.746.571	2.837.760.895	47.170.746.571	4.398.780.856
Phải thu khác	2.208.541.539	-	2.208.541.539	199.140.382
Các đối tượng khác	2.208.541.539	-	2.208.541.539	199.140.382
Trả trước cho người bán	4.116.926.573	-	4.116.926.573	-
Các đối tượng khác	4.116.926.573	-	4.116.926.573	-
Tổng	86.210.558.988	2.837.760.895	86.210.558.988	4.597.921.238

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.109.517.356	-	2.286.721.420	-
Công cụ, dụng cụ	963.552.194	-	951.893.942	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	226.171.501.758	-	210.649.010.454	-
Hàng hóa	13.517.800.612	-	2.066.727.355	-
Hàng gửi bán	406.344.699	-	2.734.550.445	-
Tổng	243.168.716.619	-	218.688.903.616	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án nhà ở xã hội - Chương Dương Home	71.374.475.540	-	57.502.218.096	-
Dự án Bà Điểm - Học Môn	16.467.407.722	-	-	-
Các dự án khác	138.329.618.496	-	153.146.792.358	-
Tổng	226.171.501.758	-	210.649.010.454	-

(i) Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án nhà ở xã hội - Chương Dương Home tại phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Thủ Đức II (Thuyết minh 5.22).

(ii) Công ty đã sử dụng giá trị phát sinh tại các dự án này để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (Thuyết minh 5.22).

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	3.909.308.109	1.209.922.817
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.645.007.312	1.209.922.817
Các khoản khác	264.300.797	-
Dài hạn	2.217.313.727	2.254.530.223
Chi phí dịch vụ	373.915.275	-
Chi phí thi công nội thất	488.476.544	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	650.247.181	2.167.030.223
Các khoản khác	704.674.727	87.500.000
Tổng	6.126.621.836	3.464.453.040

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	22.387.961.693	106.141.304.402	20.875.853.675	1.756.540.765	151.161.660.535
Tăng trong năm	72.000.000	1.748.487.890	1.281.338.982	75.000.000	3.176.826.872
Mua trong năm	-	666.263.047	1.281.338.982	-	1.947.602.029
Tăng do phân loại lại	72.000.000	1.082.224.843	-	75.000.000	1.229.224.843
Giảm trong năm	867.952.116	1.105.968.355	72.000.000	214.272.727	2.260.193.198
Thanh lý, nhượng bán	-	864.922.900	-	-	864.922.900
Giảm do phân loại lại	867.952.116	241.045.455	72.000.000	214.272.727	1.395.270.298
Số dư tại ngày 31/12/2022	21.592.009.577	106.783.823.937	22.085.192.657	1.617.268.038	152.078.294.209
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	9.887.343.597	77.967.745.368	7.295.156.296	1.492.746.692	96.642.991.953
Tăng trong năm	1.027.020.606	5.455.409.936	1.932.379.395	59.725.032	8.474.534.969
Khấu hao trong năm	1.027.020.606	4.739.752.137	1.932.379.395	59.725.032	7.758.877.170
Tăng do phân loại lại	-	715.657.799	-	-	715.657.799
Giảm trong năm	554.974.767	864.922.900	1.000.001	159.683.031	1.580.580.699
Thanh lý, nhượng bán	-	864.922.900	-	-	864.922.900
Giảm do phân loại lại	554.974.767	-	1.000.001	159.683.031	715.657.799
Số dư tại ngày 31/12/2022	10.359.389.436	82.558.232.404	9.226.535.690	1.392.788.693	103.536.946.223
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	12.500.618.096	28.173.559.034	13.580.697.379	263.794.073	54.518.668.582
Tại ngày 31/12/2022	11.232.620.141	24.225.591.533	12.858.656.967	224.479.345	48.541.347.986

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 72.213.281.911 VND (tại ngày 31/12/2021 là 69.602.090.414 VND).
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 865.841.312 VND (tại ngày 31/12/2021 là 7.444.501.169 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	-
Tăng trong năm	6.616.363.636	6.616.363.636
Thuê tài chính trong năm	6.616.363.636	6.616.363.636
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	6.616.363.636	6.616.363.636
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	-
Tăng trong năm	44.109.091	44.109.091
Khấu hao trong năm	44.109.091	44.109.091
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	44.109.091	44.109.091
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 31/12/2022	6.572.254.545	6.572.254.545

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	66.827.000.000	66.827.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	66.827.000.000	66.827.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	-
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	66.827.000.000	66.827.000.000
Tại ngày 31/12/2022	66.827.000.000	66.827.000.000

Quyền sử dụng đất được trình bày là quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 673 Trường Chinh, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng được đánh giá lại khi hợp nhất Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 525.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	65.004.722.217	-	-	65.004.722.217
- Nhà và quyền sử dụng đất	65.004.722.217	-	-	65.004.722.217
Giá trị hao mòn lũy kế	22.165.715.489	1.808.336.580	-	23.974.052.069
- Nhà và quyền sử dụng đất	22.165.715.489	1.808.336.580	-	23.974.052.069
Giá trị còn lại	42.839.006.728	-	(1.808.336.580)	41.030.670.148
- Nhà và quyền sử dụng đất	42.839.006.728	-	(1.808.336.580)	41.030.670.148

Bất động sản đầu tư bao gồm Tòa nhà văn phòng cho thuê tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Khu thương mại dịch vụ Central Garden tại số 328 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Doanh thu và giá vốn của Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm với số tiền lần lượt là 24.760.079.469 VND (Thuyết minh 6.1) và 7.762.377.397 VND (Thuyết minh 6.4).

Công ty đã sử dụng bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay và phát hành trái phiếu (Thuyết minh 5.22) như sau:

- Tầng 1 và Tầng 2 Khu thương mại Dịch vụ Central Garden: đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á từ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP;
- Tầng 3 Khu thương mại Dịch vụ Central Garden: đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh TP. Thủ Đức II;
- Tòa nhà văn phòng cho thuê tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh: đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu.

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày và thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản.

5.14 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	28.703.807.112	28.703.807.112
Chi phí của hạng mục trường học tại dự án chung cư cao cấp Tân Hương (i)	28.703.807.112	28.703.807.112
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	123.330.200	-
Chi phí sửa chữa, lắp đặt bàn làm việc	123.330.200	-
Tổng	28.827.137.312	28.703.807.112

(i) Chi phí đã đầu tư cho hạng mục trường học của Dự án chung cư cao cấp Tân Hương. Theo kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản số 93/STNMT-QLĐ ngày 09/01/2023, Công ty đang làm các thủ tục thay đổi mục tiêu thực hiện dự án trên phần đất giáo dục từ trường trung học cơ sở thành trường Mầm non. Dự án sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	115.067.941	115.067.941
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	115.067.941	115.067.941
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19.696.911.687	21.038.153.709
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	19.696.911.687	21.038.153.709
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	216.463.330.444	216.463.330.444	129.093.338.103	129.093.338.103
Công ty CP Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Nesfor Việt Nam	13.094.458.140	13.094.458.140	-	-
Công ty Cổ Phần Thép Minh Sam	5.412.058.597	5.412.058.597	20.013.152.749	20.013.152.749
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật HDC	12.832.196.600	12.832.196.600	-	-
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây lắp Đình Việt	13.120.119.605	13.120.119.605	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	172.004.497.502	172.004.497.502	109.080.185.354	109.080.185.354
Tổng	216.463.330.444	216.463.330.444	129.093.338.103	129.093.338.103
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	1.653.365.632	1.653.365.632	1.653.365.632	1.653.365.632

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.17 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Khách hàng trả trước mua nhà ở dự án Chương Dương Home	133.131.755.513	120.680.076.550
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bạc Liêu	4.445.784.206	-
Công ty Kumho Engineering & Construction	73.912.720.000	-
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Bình Thuận	19.856.658.600	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	34.733.697.409	44.334.038.583
Tổng	266.080.615.728	165.014.115.133

5.18 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	13.299.019.093	25.516.868.409	28.930.115.124	9.885.772.378
Thuế giá trị gia tăng	7.610.932.156	19.961.727.101	19.730.226.669	7.842.432.588
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.090.151.623	2.656.247.577	6.388.330.865	1.358.068.335
Thuế thu nhập cá nhân	287.107.063	1.814.684.316	1.610.506.703	491.284.676
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	726.241.996	726.241.996	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	171.653.610	-	-	171.653.610
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	139.174.641	357.967.419	474.808.891	22.333.169
Phải thu	238.000.000	-	1.769.019.233	2.007.019.233
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	1.769.019.233	1.769.019.233
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	238.000.000	-	-	238.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	85.102.441.043	84.707.395.570
Trích trước chi phí lãi vay	1.130.698.468	249.119.160
Các khoản khác	38.376.418.671	36.327.176.640
Chi phí liên quan đến các dự án	45.595.323.904	48.131.099.770
- Dự án nhà chung cư cao cấp Tân Hương	30.000.000.000	30.000.000.000
- Dự án nhà ở xã hội - Chương Dương Home	-	10.808.865.241
- Dự án đài cọc và khán đài sân bóng đá trường Đại Học Tôn Đức Thắng	7.012.097.386	7.012.097.386
- Công trình Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2	173.773.507	310.137.143
- Gói thầu XL-1: Thi công Hạ tầng kỹ thuật - KDV CN Long Sơn	8.409.453.011	-
Tổng	85.102.441.043	84.707.395.570

5.20 Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	13.110.993.903	19.012.029.113
Tài sản thừa chờ giải quyết	3.142.236	-
Kinh phí công đoàn	1.109.526.444	830.145.622
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.294.515.534	3.022.484.671
Phí bảo trì chung cư	3.058.201.931	1.925.967.056
Cổ tức phải trả	-	2.347.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.944.000	-
Chiết khấu phải trả	-	-
Lãi vay phải trả	-	-
Phải trả, phải nộp khác	5.589.663.758	10.885.931.764
Dài hạn	7.116.144.692	6.765.727.135
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	6.742.272.824	6.391.855.267
Các khoản phải trả dài hạn khác	373.871.868	373.871.868
Tổng	20.227.138.595	25.777.756.248

5.21 Dự phòng phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	21.738.471.832	24.915.121.600
Dự phòng bảo hành cho dự án Chương Dương Home	21.720.241.138	24.915.121.600
Dự phòng phải trả khác	18.230.694	-
Dài hạn	1.040.393.042	1.040.393.042
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.040.393.042	1.040.393.042
Tổng	22.778.864.874	25.955.514.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.22 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	510.377.718.381	510.377.718.381	924.234.664.130	860.060.940.547	446.203.994.798	446.203.994.798
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (i)	148.934.573.319	148.934.573.319	162.931.631.648	159.926.448.249	145.929.389.920	145.929.389.920
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 11 TP. Hồ Chí Minh	-	-	-	15.341.000.674	15.341.000.674	15.341.000.674
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Thủ Đức 2 (ii)	171.195.467.055	171.195.467.055	223.442.055.602	160.505.600.947	108.259.012.400	108.259.012.400
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (iii)	150.968.598.106	150.968.598.106	290.482.904.831	280.225.296.226	140.710.989.501	140.710.989.501
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	4.957.843.498	4.957.843.498	59.323.423.988	65.467.266.350	11.101.685.860	11.101.685.860
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (iv)	34.321.236.403	34.321.236.403	188.054.648.061	178.595.328.101	24.861.916.443	24.861.916.443
Vay dài hạn đến hạn trả	6.427.015.830	6.427.015.830	6.737.126.783	6.517.746.792	6.207.635.839	6.207.635.839
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (v)	6.427.015.830	6.427.015.830	6.737.126.783	6.517.746.792	6.207.635.839	6.207.635.839
Tổng	516.804.734.211	516.804.734.211	930.971.790.913	866.578.687.339	452.411.630.637	452.411.630.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.22 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2022 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (trang trước chuyển sang)	510.377.718.381	510.377.718.381	924.234.664.130	860.060.940.547	446.203.994.798	446.203.994.798
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	157.074.898.272	157.074.898.272	122.165.472.650	10.884.027.086	45.793.452.708	45.793.452.708
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (v)	38.562.095.072	38.562.095.072	2.269.633.086	7.160.990.722	43.453.452.708	43.453.452.708
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (vi)	1.580.000.000	1.580.000.000	-	760.000.000	2.340.000.000	2.340.000.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh (vii)	5.386.500.000	5.386.500.000	7.182.000.000	1.795.500.000	-	-
Trái phiếu phát hành (viii)	111.546.303.200	111.546.303.200	112.713.839.564	1.167.536.364	-	-
Tổng	673.879.632.483	673.879.632.483	1.053.137.263.563	877.462.714.425	498.205.083.345	498.205.083.345

Trong đó:

Vay các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

Phần trả nợ gốc vay

Phần phân loại lại và biến động khác

Thông tin về khoản thanh toán nợ thuế tài chính như sau:

Thời hạn	Năm nay (VND)		Năm trước (VND)	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Trên 1 năm đến 5 năm	1.795.500.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.22 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/378299/HHTD ngày 05/9/2022 với các thông tin chi tiết như sau:
- Hạn mức vay: Hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán là 250.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh khác (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 100.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này, tối đa đến hết ngày 31/8/2023;
 - Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
 - Lãi suất vay: Áp dụng theo từng hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản là hàng tồn kho, quyền đòi nợ hình thành từ các công trình do BIDV tài trợ tín dụng làm tài sản đảm bảo bổ sung.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tp. Thủ Đức 2 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1940-LAV-202200221 ngày 01/7/2022 với các thông tin chi tiết như sau:
- Hạn mức vay: Hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 280.000.000.000 VND. Trong đó, dư nợ cho vay tối đa 230.000.000.000 VND;
 - Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này, đến hết ngày 01/7/2023;
 - Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2022-2023;
 - Lãi suất vay: Mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 6,5%, trường hợp nhận nợ từ hai lần trở lên lãi suất cho vay được xác định trên từng giấy nhận nợ;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản là toàn bộ hợp đồng tiền gửi của Công ty mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh TP. Thủ Đức II, tổng giá trị hợp đồng tiền gửi là 103.000.000.000 VND; Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất tại tầng 3 công trình thương mại, dịch vụ tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-CDC ngày 15/8/2022 với các thông tin chi tiết như sau:
- Hạn mức vay: Hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 100.000.000.000 VND;
 - Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này, đến hết ngày 15/8/2023;
 - Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Lãi suất vay: Áp dụng theo từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản là tiền gửi có kỳ hạn mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.22 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng số 01/2022/1134935/HĐTD ngày 07/8/2022 với các thông tin như sau:

- Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn vay: Kể từ thời điểm ký hợp đồng đến hết ngày 31/7/2023;
- Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản đảm bảo là các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng cho vay có quy định hoặc dẫn đến nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay.

(v) Vay dài hạn Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP theo Hợp đồng tín dụng vay lại vốn vay ADB số 02/2016/HĐTD-ADB/CC1-CDC ngày 15/3/2016 với các thông tin chi tiết như sau:

- Số tiền vay là: 3.000.000 USD;
- Thời hạn cấp hạn mức vay: 15 năm bao gồm 5 năm ân hạn;
- Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất vay: Lãi suất trung bình 6 tháng của các ngân hàng lớn bằng đồng USD theo thông báo của ADB 6 tháng/lần;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Tầng 1 và tầng 2 Khu thương mại dịch vụ Central Garden;
- Số dư nợ gốc vay dài hạn trả tại ngày 31/12/2022 là 6.427.015.830 VND tương đương với 270.839,27 USD;
- Số dư nợ gốc vay dài hạn tại ngày 31/12/2022 là 38.562.095.072 VND tương đương với 1.625.035,61 USD.

(vi) Vay trung hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng số 01/2020/285796/HĐTDTH ngày 17/11/2020:

- Số tiền vay: 3.200.0000.000 VND
- Mục đích vay: Mua xe ô tô Toyota Land Crusier 4.7 V8, URJ202L-GNTEKW phục vụ việc điều hành công việc tại Công ty.
- Thời hạn vay: 4 năm kể từ ngày giải ngân.
- Lãi suất vay: Bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau + Margin 3,0%
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản đảm bảo là các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng cho vay có quy định hoặc dẫn đến nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.22 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

(vii) Thuế tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 160/2022/CN.MN-CTTC ngày 19/12/2022. Mục đích: cho thuê mua xe cần trục bánh xích. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất cho thuê bằng bảng trần lãi suất huy động vốn VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đối với khách hàng cá nhân được Ngân hàng MCP Công thương Việt Nam niêm yết. Tài sản đảm bảo là một khoản tiền ký cược 270.000.000 VND.

(viii) Công ty phát hành trái phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chương Dương số 140/NQ-HĐQT-CDC ngày 11/11/2021. Thông tin chi tiết như sau:

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)				
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn

- Phát hành theo mệnh giá 111.950.000.000
- + Trái phiếu mã CDCH2124001 111.950.000.000 11%/năm 36 tháng
- Ngày phát hành: 26/11/2021; ngày đáo hạn: 26/11/2024.
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo;
- Mã trái phiếu: CDCH2124001;
- Hình thức: trái phiếu phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Tổng số tiền thực tế thu được từ việc phát hành trái phiếu: 111.950.000.000 VND, tương đương 1.119.500 trái phiếu;
- Kỳ tính lãi: 06 tháng/lần;
- Ngày thanh toán lãi: thanh toán định kỳ 6 tháng một lần;
- Mục đích sử dụng trái phiếu: Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại và các cơ sở đào tạo tại dự án Nhà ở Xã hội Chương Dương Home và Tân Hương, bổ sung vốn cho hoạt động xây lắp và các hoạt động kinh doanh khác.
- Điều khoản mua lại: sau 12 tháng kể từ ngày phát hành, Công ty có quyền yêu cầu mua lại trái phiếu đã phát hành; sau 24 tháng kể từ ngày phát hành, Chủ sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Công ty mua lại số trái phiếu do mình sở hữu. Công ty có nghĩa vụ mua lại số trái phiếu này từ Chủ sở hữu trái phiếu nhưng không vượt quá 50% số lượng trái phiếu được phát hành.
- Bảo đảm cho trái phiếu: i/ tòa nhà văn phòng tại Võ Văn Kiệt, quy mô 10 tầng, 1 hầm, tổng diện tích sàn là 360 m², hầm 1.000 m²; ii/ 50% số lượng cổ phần đang lưu hành tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 525 - một Công ty con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.22 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)**Chi tiết số tiền sử dụng từ đợt phát hành trái phiếu như sau:**

- Chi phí phát hành trái phiếu: 1.169.283.164 VND;
- Chi mua thép (hoạt động xây lắp, dự án): 98.798.750.000 VND;
- Chi mục đích khác (nhận chuyển nhượng đất): 13.202.440.000 VND.

5.23 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
				chưa phân phối			
Số dư tại ngày 01/01/2021	157.064.060.000	77.142.009.600	2.731.001.996	13.071.121.805	424.022.856	250.432.216.257	
Tăng vốn cổ phần	62.823.100.000	(62.823.100.000)	-	-	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	29.697.318.970	955.352.939	30.652.671.909	
Mua công ty con	-	-	-	-	30.817.940.926	30.817.940.926	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.390.982.969	(1.390.982.969)	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(834.589.781)	-	(834.589.781)	
Số dư tại ngày 31/12/2021	219.887.160.000	14.318.909.600	4.121.984.965	40.542.868.025	32.197.316.721	311.068.239.311	
Số dư tại ngày 01/01/2022	219.887.160.000	14.318.909.600	4.121.984.965	40.542.868.025	32.197.316.721	311.068.239.311	
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.649.927.063	1.216.377.218	5.866.304.281	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.037.482.258	(2.037.482.258)	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.278.426.587)	(146.002.233)	(1.424.428.820)	
Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty con	-	-	-	1.668.603.000	678.897.000	2.347.500.000	
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	(1.810.392.000)	(1.810.392.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2022	219.887.160.000	14.318.909.600	6.159.467.223	43.545.489.243	32.136.196.706	316.047.222.772	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.23 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	5.226.687	23,77%	52.266.870.000	5.226.687	23,77%	52.266.870.000
Các cổ đông khác	16.762.029	76,23%	167.620.290.000	16.762.029	76,23%	167.620.290.000
Tổng	21.988.716	100,00%	219.887.160.000	21.988.716	100,00%	219.887.160.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	219.887.160.000	157.064.060.000
Vốn góp tăng trong năm	-	62.823.100.000
Vốn góp tại cuối năm	219.887.160.000	219.887.160.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.988.716	21.988.716
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.988.716	21.988.716
Cổ phiếu phổ thông	21.988.716	21.988.716
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.988.716	21.988.716
Cổ phiếu phổ thông	21.988.716	21.988.716
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.159.467.223	4.121.984.965

5.24 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

a. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành. Thông tin các lô đất như sau: Lô đất tại 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1 với tổng diện tích là 360,8 m². Công ty thanh toán số tiền thuê đất này theo hình thức trả tiền hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng	644.877.518.283	501.490.973.113
Doanh thu xây dựng	585.042.495.489	144.088.170.872
Doanh thu kinh doanh bất động sản	24.109.934.536	81.705.491.199
Doanh thu dịch vụ (i)	71.805.312.385	41.778.703.811
Tổng	1.325.835.260.693	769.063.338.995

Trong đó:

*Doanh thu với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

23.037.320

15.237.258

(i) Trong đó, doanh thu của bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty tại Tòa nhà văn phòng cho thuê tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Khu thương mại dịch vụ Central Garden tại số 328 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh là 24.760.079.469 VND.

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giảm giá hàng bán	43.999	-
Hàng bán bị trả lại	582.989.841	-
Tổng	583.033.840	-

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng	644.294.484.443	501.490.973.113
Doanh thu xây dựng	585.042.495.489	144.088.170.872
Doanh thu kinh doanh bất động sản	24.109.934.536	81.705.491.199
Doanh thu dịch vụ	71.805.312.385	41.778.703.811
Tổng	1.325.252.226.853	769.063.338.995

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hàng bán	638.965.505.344	496.632.215.880
Giá vốn xây dựng	567.716.031.749	131.836.815.142
Giá vốn kinh doanh bất động sản	17.459.866.695	68.617.145.664
Giá vốn dịch vụ (i)	42.031.870.074	25.397.130.809
Tổng	1.266.173.273.862	722.483.307.495

(i) Giá vốn của bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty tại Tòa nhà văn phòng cho thuê tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Khu thương mại dịch vụ Central Garden tại số 328 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh là 7.762.377.397 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.262.459.317	20.088.096.054
Lãi chênh lệch tỷ giá	434.266.704	927.270.912
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	72.328.767	-
Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư	3.740.426.769	995.546.567
Tổng	19.509.481.557	22.010.913.533

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	38.938.925.310	12.695.084.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.764.785	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	53.831.800	(104.912.428)
Chi phí tài chính khác	1.252.874.683	205.868.925
Tổng	40.267.396.578	12.796.041.038

Trong đó:

Chi phí tài chính với các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

1.395.216.294

1.058.989.272

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán hàng	3.295.361.978	1.927.176.758
Chi phí nhân viên	1.708.640.301	812.405.151
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.154.990.294	1.005.268.584
Chi phí bán hàng khác	431.731.383	109.503.023
Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.392.884.758	35.921.160.468
Chi phí nhân viên quản lý	26.417.383.984	16.076.721.032
Chi phí vật liệu quản lý	1.966.406.564	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	221.434.569	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.842.383.555	1.125.358.690
Thuế phí và lệ phí	1.121.165.685	479.660.445
Chi phí dự phòng	1.760.160.343	10.916.452.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.103.387.117	1.441.033.994
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.960.562.941	5.881.933.406
Tổng	48.688.246.736	37.848.337.226

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	96.296.296	-
Cho thuê thiết bị	705.261.751	-
Thu nhập từ các khoản phạt lãi trả chậm, vi phạm hợp đồng	18.374.113.673	4.402.165.127
Thu nhập từ xử lý nợ	70.503	7.498.418.207
Lãi từ mua công ty con	-	4.744.787.036
Các khoản khác	862.885.192	3.048.766.267
Tổng	20.038.627.415	19.694.136.637
Chi phí khác		
Chi phí phạt vi phạm hành chính	742.957.445	-
Chi phí khác	1.747.151.368	1.447.340.665
Tổng	2.490.108.813	1.447.340.665
Lợi nhuận khác	17.548.518.602	18.246.795.972

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí mua hàng hóa	678.661.940.020	496.632.215.880
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.294.482.964	27.569.236.634
Chi phí nhân công	62.259.536.009	24.300.751.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.611.322.841	6.216.390.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	467.900.664.947	190.955.807.531
Chi phí khác	32.377.111.220	30.071.638.673
Tổng	1.352.105.058.001	775.746.040.936

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.509.060.527	5.111.242.802
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	147.187.050	214.907.887
Tổng	2.656.247.577	5.326.150.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	252.238.028
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(115.067.941)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.341.242.022)	-
Tổng	(1.341.242.022)	137.170.087

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	4.649.927.063	29.697.318.970
Các khoản điều chỉnh		
<i>Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(1.278.426.587)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) (i)	4.649.927.063	28.418.892.383
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	21.988.716	21.988.716
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	211	1.292

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(i) Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022 của Công ty mẹ và Công ty con. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	29.697.318.970	29.697.318.970	-
<i>Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(1.278.426.587)	(1.278.426.587)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	29.697.318.970	28.418.892.383	(1.278.426.587)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	21.988.716	21.988.716	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.351	1.292	(58)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 15/02/2022, Công ty nộp đơn khởi kiện Trường Đại học Tôn Đức Thắng tại Tòa án nhân dân quận 7, TP. Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế. Trong đơn khởi kiện, Công ty đề nghị Tòa án Nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh tuyên buộc Trường Đại học Tôn Đức Thắng hoàn trả cho Công ty số tiền Công ty đã bỏ ra để xây dựng dự án cho Trường Đại học Tôn Đức Thắng là 4.307.246.285 VND, trong đó số tiền nợ gốc là 3.845.755.611 VND, lãi quá hạn thanh toán là 461.490.674 VND. Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, vụ kiện đang được thụ lý bởi Tòa án nhân dân quận 7, TP. Hồ Chí Minh, do vậy, kết quả của vụ kiện và các ảnh hưởng (nếu có) chưa được xác nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

7.2 Các cam kết khác

a. Cam kết góp vốn

Theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐQT ngày 27/9/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chương Dương về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phú Chương thực hiện dự án Khu dân cư Đông Cầu Hương An, tỉnh Quảng Nam, Công ty thực hiện thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phú Chương với vốn điều lệ là 85.000.000.000 VND, trong đó Công ty Cổ phần Chương Dương chiếm 41% vốn điều lệ tương đương là 35.000.000.000 VND. Thời gian và tiến độ góp vốn: từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022. Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phú Chương.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết
Các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Hồ Đình Thuần	Chủ tịch HĐQT	1.574.000.000	680.654.000
Ông Văn Minh Hoàng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.411.000.000	669.811.289
Ông Lê Văn Chính	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.026.750.000	516.895.862
Ông Nguyễn Ngọc Tài	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	235.100.450
Ông Trần Mai Cường	Thành viên HĐQT	168.000.000	162.695.871
Ông Trần Việt Đức	Thành viên HĐQT	154.000.000	119.700.000
Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Thành viên HĐQT	-	78.941.721
Ông Nguyễn Chí Tùng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/11/2022)	447.670.000	248.124.364
Tổng		4.781.420.000	2.711.923.557

c. Thu nhập của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 (Trình bày lại) VND
Ông Lê Minh Thành	Trưởng BKS	641.799.000	288.384.490
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên BKS	96.000.000	96.000.000
Ông Đào Văn Sơn	Thành viên BKS (Bầu bổ sung ngày 29/11/2022)	8.000.000	-
Ông Nguyễn Chí Tùng	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 26/10/2022)	(i)	(i)
Tổng		745.799.000	384.384.490

(i) Ông Nguyễn Chí Tùng được bầu bổ sung là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chương Dương từ ngày 29/11/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<u>Mua hàng</u>				
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	1.128.077.412
<u>Bán hàng</u>				
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	23.037.320	15.237.258
<u>Chi phí tài chính</u>				
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Phí quản lý khoản vay Chi phí lãi vay	1.395.216.294 404.470.834 990.745.460	1.058.989.272 552.037.460 506.951.812
<u>Giao dịch vay vốn</u>				
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Trả nợ vay	6.517.746.792	6.221.854.901

e. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>				
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.550.444.043	5.133.217.935
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.516.714.823	5.124.829.767
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>				
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	Ứng trước mua hàng hóa, dịch vụ	33.729.220	8.388.168
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>				
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Mua hàng hóa, dịch vụ	161.905.019	161.905.019
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.653.365.632	1.653.365.632
<u>Vay ngắn hạn</u>				
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Nợ gốc vay	6.427.015.830	6.207.635.839
<u>Vay dài hạn</u>				
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Nợ gốc vay	38.562.095.072	43.453.452.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.4 Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh thương mại, xây dựng, kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Công ty không theo dõi hợp nhất tài sản, nợ phải trả bộ phận. Công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<i>Doanh thu</i>	Bất động sản	Xây dựng	Dịch vụ	Thương mại	Tổng cộng
Từ khách hàng bên ngoài	24.109.934.536	603.700.166.638	71.801.716.037	625.640.409.642	1.325.252.226.853
Giữa các bộ phận	-	11.079.104.979	896.707.463	62.161.787.812	74.137.600.254
Loại trừ	-	(11.079.104.979)	(896.707.463)	(62.161.787.812)	(74.137.600.254)
Tổng cộng	24.109.934.536	603.700.166.638	71.801.716.037	625.640.409.642	1.325.252.226.853
Kết quả bộ phận	6.650.067.841	35.984.134.889	29.769.845.963	(13.325.095.702)	59.078.952.991
Chi phí không phân bổ					(31.139.728.134)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính					27.939.224.857
Thu nhập tài chính					19.509.481.557
Chi phí tài chính					(40.267.396.578)
Lỗ từ công ty liên kết					-
Lợi nhuận trước thuế					7.181.309.836
Thuế TNDN hiện hành					(2.656.247.577)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					1.341.242.022
Lợi nhuận sau thuế trong năm					5.866.304.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

	Bất động sản	Xây dựng	Dịch vụ	Thương mại	Tổng cộng
<i>Doanh thu</i>					
Từ khách hàng bên ngoài	81.705.491.199	144.088.170.872	41.778.703.811	501.490.973.113	769.063.338.995
Giữa các bộ phận	-	-	820.900.000	59.622.702.755	60.443.602.755
Loại trừ	-	-	(820.900.000)	(59.622.702.755)	(60.443.602.755)
Tổng cộng	81.705.491.199	144.088.170.872	41.778.703.811	501.490.973.113	769.063.338.995
Kết quả bộ phận	13.088.345.535	12.251.355.730	16.381.573.002	4.858.757.233	46.580.031.500
Chi phí không phân bổ					(19.601.541.254)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính					26.978.490.246
Thu nhập tài chính					22.010.913.533
Chi phí tài chính					(12.796.041.038)
Lỗ từ công ty liên kết					(77.370.056)
Lợi nhuận trước thuế					36.115.992.685
Thuế TNDN hiện hành					(5.326.150.689)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(137.170.087)
Lợi nhuận sau thuế trong năm					30.652.671.909



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Người lập biểu

Cao Thị Thanh Hiếu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Mỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023

Tổng Giám đốc



Văn Minh Hoàng





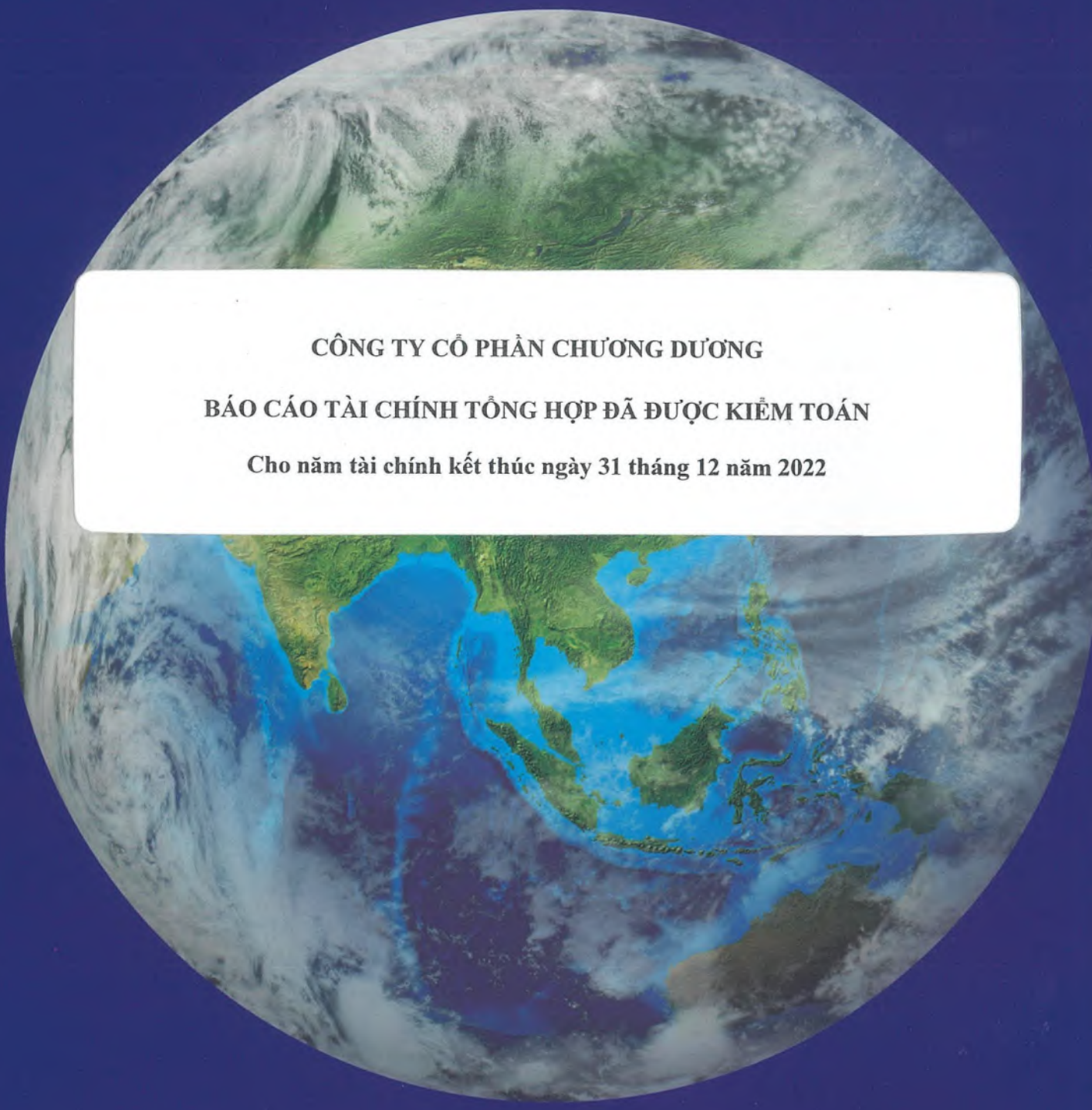
Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org



CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chương Dương trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chương Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 (nay là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP) theo Quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303146167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2003 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thứ 15 vào ngày 09/02/2021.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: CHUONG DUONG CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: CHUONGDUONG CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303146167 thay đổi lần thứ 15 ngày 09/02/2021 là 219.887.160.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm mười chín tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CDC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Đình Thuận	Chủ tịch
Ông Trần Mai Cường	Thành viên
Ông Văn Minh Hoàng	Thành viên
Ông Lê Văn Chính	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Tùng	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 29/11/2022)
Ông Trần Việt Đức	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/10/2022)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Minh Thành	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên
Ông Đào Văn Sơn	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 29/11/2022)
Ông Nguyễn Chí Tùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/10/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Văn Minh Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/6/2022)
Ông Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/7/2022)
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/9/2022)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Văn Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023

Số: 119/2023/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Chương Dương, được lập ngày 07/4/2023 từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về thông tin việc khởi kiện trường Đại học Tôn Đức Thắng của Công ty Cổ phần Chương Dương.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 08/4/2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



A blue ink handwritten signature.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQCN-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2023

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.085.214.721.335	811.858.681.959
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.226.656.602	10.156.746.537
1. Tiền	111		9.726.656.602	10.156.746.537
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	350.743.583.325	385.792.012.275
1. Chứng khoán kinh doanh	121		908.159.855	908.517.005
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(190.336.530)	(136.504.730)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		350.025.760.000	385.020.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		536.219.646.492	233.938.571.209
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	334.886.440.662	221.442.303.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	188.937.971.987	23.592.658.774
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	5.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	36.950.869.881	18.566.020.970
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(29.555.636.038)	(29.662.411.701)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	170.116.058.652	172.949.722.591
1. Hàng tồn kho	141		170.116.058.652	172.949.722.591
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.908.776.264	9.021.629.347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	42.366.113	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.122.929.809	9.021.629.347
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	1.743.480.342	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		184.411.591.398	189.370.105.761
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.658.000	52.658.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	52.658.000	52.658.000
II. Tài sản cố định	220		8.566.998.201	8.616.616.318
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	8.566.998.201	8.616.616.318
- Nguyên giá	222		21.786.180.563	20.504.841.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.219.182.362)	(11.888.225.263)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	41.030.670.148	42.839.006.728
1. Nguyên giá	231		65.004.722.217	65.004.722.217
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.974.052.069)	(22.165.715.489)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.12	28.827.137.312	28.703.807.112
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		28.703.807.112	28.703.807.112
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		123.330.200	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	104.841.516.470	107.787.513.452
1. Đầu tư vào công ty con	251		115.779.835.248	115.779.835.248
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.300.000.000	1.300.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.238.318.778)	(9.292.321.796)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.092.611.267	1.370.504.151
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.092.611.267	1.370.504.151
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.269.626.312.733	1.001.228.787.720

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		990.780.430.012	730.606.112.429
I. Nợ ngắn hạn	310		832.982.365.874	679.365.411.412
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	192.444.608.842	72.297.674.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	153.729.273.186	144.465.971.224
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	4.222.648.698	8.088.434.012
4. Phải trả người lao động	314		4.249.353.359	4.004.562.271
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	66.157.626.610	67.875.574.083
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	15.694.305.878	14.327.325.262
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	370.725.654.310	338.608.229.009
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	21.720.241.138	24.896.890.906
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.038.653.853	4.800.749.696
II. Nợ dài hạn	330		157.798.064.138	51.240.701.017
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	6.649.272.824	6.746.855.267
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	150.108.398.272	43.453.452.708
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	1.040.393.042	1.040.393.042
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		278.845.882.721	270.622.675.291
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	278.845.882.721	270.622.675.291
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		219.887.160.000	219.887.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		219.887.160.000	219.887.160.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.318.909.600	14.318.909.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.633.734.244	4.101.100.649
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.006.078.877	32.315.505.042
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		29.863.291.290	10.286.403.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.142.787.587	22.029.102.018
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.269.626.312.733	1.001.228.787.720

Người lập biểu



Cao Thị Thanh Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Mỹ

Tổng Giám đốc



Văn Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	655.678.525.032	449.608.147.548
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		655.678.525.032	449.608.147.548
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	629.412.589.114	416.767.374.198
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.265.935.918	32.840.773.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	23.042.940.200	21.627.451.189
7. Chi phí tài chính	22	6.4	34.516.071.889	10.429.196.572
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.263.368.424	9.519.055.555
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.516.992.365	22.747.557.615
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.724.188.136)	21.291.470.352
11. Thu nhập khác	31	6.6	13.430.724.007	6.252.727.319
12. Chi phí khác	32	6.6	1.175.717.975	485.603.987
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	12.255.006.032	5.767.123.332
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		10.530.817.896	27.058.593.684
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.388.030.309	5.029.491.666
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		9.142.787.587	22.029.102.018

Người lập biểu

Cao Thị Thanh Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Mỹ

Tổng Giám đốc



Văn Minh Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.530.817.896	27.058.593.684
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.139.293.679	3.041.122.260
- Các khoản dự phòng	03		(283.596.649)	35.802.619.682
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(423.863.939)	(704.859.197)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.356.712.725)	(20.922.598.392)
- Chi phí lãi vay	06		30.263.368.424	9.519.055.555
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.869.306.686	53.793.933.592
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(301.509.448.250)	(129.884.491.569)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.833.663.939	(12.511.136.369)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		128.522.393.169	(31.575.522.542)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		235.526.771	(1.097.317.658)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		357.150	347.666.800
- Tiền lãi vay đã trả	14		(29.704.290.783)	(9.269.936.395)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.128.808.790)	(447.614.701)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.681.676.000)	(395.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(177.562.976.108)	(131.039.718.842)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.404.669.182)	(8.447.029.932)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.005.760.000)	(294.857.052.314)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.000.000.000	268.287.010.034
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(72.808.338.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.847.080.551	16.974.215.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42.436.651.369	(90.851.194.497)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ cho vay	33		641.971.085.650	387.237.013.990
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(502.774.850.846)	(202.888.829.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		139.196.234.804	184.348.184.561
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.069.910.065	(37.542.728.778)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.156.746.537	47.699.475.315
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	14.226.656.602	10.156.746.537

Người lập biểu

Cao Thị Thanh Hiếu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Mỹ

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 4 năm 2023

Tổng Giám đốc



(Signature)
Nguyễn Minh Hoàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chương Dương được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 (nay là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP) theo Quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303146167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2003 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thứ 15 vào ngày 09/02/2021.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: CHUONG DUONG CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: CHUONGDUONG CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303146167 thay đổi lần thứ 15 ngày 09/02/2021 là 219.887.160.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm mười chín tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CDC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 90 người (tại ngày 31/12/2021 là 85 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm: Xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, đầu tư và kinh doanh các dự án bất động sản, xây dựng các công trình giao thông, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng và cung cấp các dịch vụ quản lý nhà.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.4 Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Kết cấu thép Chương Dương	328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Gia công kết cấu thép	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Lầu 9, tòa nhà văn phòng Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý tòa nhà Chương Dương - Serland	Tầng 3 (Khởi đế), Lô B, Số 328-330 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quản lý tòa nhà	100%	100%	100%
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư XD Chương Dương	328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ tư vấn xây dựng	88,96%	88,96%	88,96%
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương số 1	76/50 Lê Văn Phan P. Phú Thọ Hoà, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân phú, TP Hồ Chí Minh	Thi công xây dựng	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	A1003 Lầu 10, Lô A - Tòa nhà Central Garden, 225 Bến Chương Dương, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Thi công xây dựng	90%	90%	90%
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 525	673 Trường Chinh, Phường Hòa Phát, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	Thi công xây dựng	71,08%	71,08%	71,08%
Công ty TNHH Chương Dương E&C (i)	Tầng 3 (Khởi đế), Lô B, Số 328 - 330 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thi công xây dựng	100%	0%	0%

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Tầng 3, Khu dịch vụ - thương mại, Cao ốc Central Garden, Số 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, thi công xây dựng	26%	26%	26%
-------------------------------	---	---------------------------	-----	-----	-----

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.4 Cấu trúc Doanh nghiệp (Tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT-CDC ngày 20/6/2022, Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phương án thành lập Công ty TNHH Chương Dương E&C với hoạt động chính là thi công xây dựng công trình. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty con này.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2022 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chương Dương - Xí nghiệp Bê tông Xây lắp Chương Dương (i)	Ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

(i) Đơn vị trực thuộc này tạm ngưng hoạt động từ năm 2011.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các Chi nhánh và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các chi nhánh đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định chế độ kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định Chế độ kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	25 - 30
Tòa nhà văn phòng	25 - 30

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê tài sản hữu hình để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí trả trước ngắn hạn khác

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 12 tháng.

Chi phí thi công nội thất

Chi phí thi công nội thất được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng và các tổ chức khác; trái phiếu phát hành không có điều khoản chuyển đổi thành cổ phiếu.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay vào giá trị của các dự án kinh doanh bất động sản với tổng số tiền là 8.407.047.451 VND (năm trước: 7.012.529.519 VND).

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí liên quan đến các dự án: Trích trước khi thực tế đã phát sinh nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn chứng từ liên quan.
- Chi phí lãi vay: Trích trước dựa trên nợ gốc, lãi suất áp dụng, và số ngày tính lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Trợ cấp thôi việc cho nhân viên, được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31/12/2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31/12/2008 theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao Động.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (thép, vật liệu xây dựng), doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ tiện ích đi kèm hoạt động cho thuê), doanh thu kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà ở xã hội), doanh thu xây lắp.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu kinh doanh bất động sản là doanh thu cho thuê nhà ở xã hội tại Dự án Chương Dương Home.

Doanh thu cho thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ dần vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán, cung cấp dịch vụ, giá vốn kinh doanh bất động sản và giá vốn hoạt động xây lắp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản và hoạt động xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với các mức thuế suất như sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội: Áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	626.936.767	424.829.069
Tiền gửi ngân hàng	9.099.719.835	9.731.917.468
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	4.500.000.000	-
Tổng	14.226.656.602	10.156.746.537

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 4,8%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	908.159.855		(190.336.530)	(136.504.730)
Trong đó chủ yếu:				
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Mã giao dịch: PVF) (i)	673.329.125	(i)	-	(i)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (Mã giao dịch: HOM) (ii)	105.289.800	28.080.000	(77.209.800)	55.536.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Mã giao dịch: ICF) (ii)	92.551.230	7.095.000	(85.456.230)	15.609.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Mã giao dịch: PVX) (ii)	36.989.700	9.319.200	(27.670.500)	27.181.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Mã giao dịch: VCB) (ii)	-	-	-	195.200
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Việt Nam (Mã giao dịch: REE) (ii)	-	-	-	161.950
Tổng	908.159.855		(190.336.530)	(136.504.730)

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết trên thị trường do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	350.025.760.000	350.025.760.000	385.020.000.000	385.020.000.000
Tổng	350.025.760.000	350.025.760.000	385.020.000.000	385.020.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất áp dụng từ 3,7%/năm đến 6,8%/năm. Trong đó, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 5.19) với giá trị tại ngày 31/12/2022 là 203.000.000.000 VND (tại ngày 31/12/2021: 218.000.000.000 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 525 (ii)	71,08%	71,08%	115.779.835.248	(11.660.355.539)	-	115.779.835.248	(8.714.358.557)	-
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	100%	100%	20.000.000.000	(5.218.744.453)	-	20.000.000.000	(2.321.460.559)	-
Công ty TNHH MTV Kết cấu thép Chương Dương	100%	100%	13.218.000.000	(4.879.775.838)	-	13.218.000.000	(4.831.062.750)	-
Công ty TNHH MTV Quản lý nhà Chương Dương - Serland	100%	100%	10.000.000.000	(i)	-	10.000.000.000	(i)	-
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương số 1	66,67%	66,67%	1.300.000.000	(i)	(1.300.000.000)	1.300.000.000	(1.300.000.000)	-
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	90%	90%	132.926.281	(i)	(132.926.281)	132.926.281	(132.926.281)	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu Tư Xây dựng Chương Dương	88,96%	88,96%	128.908.967	(i)	(128.908.967)	128.908.967	(128.908.967)	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết								
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	26,0%	26,0%	1.300.000.000	(i)	(577.963.239)	1.300.000.000	(577.963.239)	-
Tổng			117.079.835.248	(12.238.318.778)		117.079.835.248	(9.292.321.796)	

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết trên thị trường do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Công ty thế chấp 50% số lượng cổ phần đang lưu hành tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 525 để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 5.19).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Ba Sơn	5.588.680.171	49.477.636.449
Công ty Cổ phần Sơn Nesfor Việt Nam	44.751.185.085	32.078.432.328
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư TLT	29.443.623.904	4.708.448.976
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Long Hưng Phát	29.768.451.517	5.821.359.763
Phải thu các đối tượng khác	225.334.499.985	129.356.425.650
Tổng	334.886.440.662	221.442.303.166
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>6.718.821.671</i>	<i>9.301.595.563</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	19.702.276.085	-
Trả trước cho các cá nhân chuyển nhượng đất tại dự án Bà Điểm, Hóc Môn	64.699.450.000	-
Các đối tượng khác	104.536.245.902	23.592.658.774
Tổng	188.937.971.987	23.592.658.774
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>37.652.731.651</i>	<i>17.950.455.566</i>

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Hải (i)	5.000.000.000	-
Tổng	5.000.000.000	-

(i) Khoản cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Hải theo hợp đồng vay vốn số 2610/2022/HĐVT/CDC-HHI ngày 26/10/2022 với số tiền cho vay là 5.000.000.000 VND thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay vốn với lãi suất 08%/năm. Mục đích vay vốn: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	36.950.869.881	(4.116.926.573)	18.566.020.970	(4.116.926.573)
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	4.449.608.000	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	12.460.587.461	-	13.045.758.545	-
Ký cược, ký quỹ	208.272.000	-	213.272.000	-
Các khoản chi hộ cho công ty con	2.289.291.502	-	1.839.291.502	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	3.417.364.612	-	2.907.732.438	-
Phải thu khác	14.125.746.306	(4.116.926.573)	559.966.485	(4.116.926.573)
b) Dài hạn	52.658.000	-	52.658.000	-
Ký cược, ký quỹ	52.658.000	-	52.658.000	-
Tổng	37.003.527.881	(4.116.926.573)	18.618.678.970	(4.116.926.573)

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn

khác là các bên liên

quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

7.082.149.502

-

1.839.291.502

-

5.7 Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khách hàng	25.999.367.712	2.769.199.786	25.223.054.715	1.686.970.744
Sở Thẻ dực thẻ thao Tp. Hồ Chí Minh	2.872.953.570	-	2.872.953.570	-
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	3.845.755.611	-	3.845.755.611	-
Các đối tượng khác	19.280.658.531	2.769.199.786	18.504.345.534	1.686.970.744
Phải thu khác	2.208.541.539	-	2.208.541.539	199.140.382
Các đối tượng khác	2.208.541.539	-	2.208.541.539	199.140.382
Trả trước cho người bán	4.116.926.573	-	4.116.926.573	-
Các đối tượng khác	4.116.926.573	-	4.116.926.573	-
Tổng	32.324.835.824	2.769.199.786	31.548.522.827	1.886.111.126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	164.584.946.002	-	172.949.722.591	-
Hàng hóa	5.531.112.650	-	-	-
Tổng	170.116.058.652	-	172.949.722.591	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án nhà ở xã hội - Chương Dương Home (i)	71.374.475.540	-	57.502.218.096	-
Dự án Bà Điểm - Hóc Môn (ii)	16.467.407.722	-	-	-
Các dự án khác (ii)	76.743.062.740	-	115.447.504.495	-
Tổng	164.584.946.002	-	172.949.722.591	-

(i) Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án nhà ở xã hội - Chương Dương Home tại phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Thủ Đức II (Thuyết minh 5.19).

(ii) Công ty đã sử dụng giá trị phát sinh tại các dự án này để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (Thuyết minh 5.19).

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	42.366.113	-
Các khoản khác	42.366.113	-
b) Dài hạn	1.092.611.267	1.370.504.151
Chi phí thi công nội thất	488.476.544	735.823.244
Công cụ dụng cụ	604.134.723	634.680.907
Tổng	1.134.977.380	1.370.504.151

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.922.155.537	6.255.937.344	11.635.216.598	691.532.102	20.504.841.581
Tăng trong năm	-	-	1.281.338.982	-	1.281.338.982
Mua trong năm	-	-	1.281.338.982	-	1.281.338.982
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.922.155.537	6.255.937.344	12.916.555.580	691.532.102	21.786.180.563
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.922.155.537	6.177.600.378	3.306.141.623	482.327.725	11.888.225.263
Tăng trong năm	-	34.713.648	1.243.549.669	52.693.782	1.330.957.099
Khấu hao trong năm	-	34.713.648	1.243.549.669	52.693.782	1.330.957.099
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.922.155.537	6.212.314.026	4.549.691.292	535.021.507	13.219.182.362
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	-	78.336.966	8.329.074.975	209.204.377	8.616.616.318
Tại ngày 31/12/2022	-	43.623.318	8.366.864.288	156.510.595	8.566.998.201

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 10.232.770.739 VND (tại ngày 31/12/2021 là 9.818.507.103 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 865.841.312 VND (tại ngày 31/12/2021 là 1.159.900.634 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	65.004.722.217	-	-	65.004.722.217
- Nhà và quyền sử dụng đất	65.004.722.217	-	-	65.004.722.217
Giá trị hao mòn lũy kế	22.165.715.489	1.808.336.580	-	23.974.052.069
- Nhà và quyền sử dụng đất	22.165.715.489	1.808.336.580	-	23.974.052.069
Giá trị còn lại	42.839.006.728	-	(1.808.336.580)	41.030.670.148
- Nhà và quyền sử dụng đất	42.839.006.728	-	(1.808.336.580)	41.030.670.148

Bất động sản đầu tư bao gồm Tòa nhà văn phòng cho thuê tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Khu thương mại dịch vụ Central Garden tại số 328 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Doanh thu và giá vốn của Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm với số tiền lần lượt là 24.760.079.469 VND (Thuyết minh 6.1) và 7.762.377.397 VND (Thuyết minh 6.2).

Công ty đã sử dụng bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay và phát hành trái phiếu (Thuyết minh 5.19) như sau:

- Tầng 1 và Tầng 2 Khu thương mại Dịch vụ Central Garden: đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á từ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Tầng 3 Khu thương mại Dịch vụ Central Garden: đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh TP. Thủ Đức II;
- Tòa nhà văn phòng cho thuê tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh: đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu.

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày và thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp. Tuy nhiên, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản.

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	28.703.807.112	28.703.807.112
Chi phí của hạng mục trường học tại dự án chung cư cao cấp Tân Hương (i)	28.703.807.112	28.703.807.112
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	123.330.200	-
Chi phí sửa chữa, lắp đặt bàn làm việc	123.330.200	-
Tổng	28.827.137.312	28.703.807.112

(i) Chi phí đã đầu tư cho hạng mục trường học của Dự án chung cư cao cấp Tân Hương. Theo kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản số 93/STNMT-QLĐ ngày 09/01/2023, Công ty đang làm các thủ tục thay đổi mục tiêu thực hiện dự án trên phần đất giáo dục từ trường trung học cơ sở thành trường Mầm non. Dự án sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật HDC	12.832.196.600	12.832.196.600	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Đình Việt	13.120.119.605	13.120.119.605	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	166.492.292.637	166.492.292.637	72.297.674.949	72.297.674.949
Tổng	192.444.608.842	192.444.608.842	72.297.674.949	72.297.674.949

Trong đó:

<i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>26.790.460.708</i>	<i>26.790.460.708</i>	<i>21.753.819.931</i>	<i>21.753.819.931</i>
---	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Khách hàng trả trước mua nhà ở dự án Chương Dương Home	133.131.755.513	120.680.076.550
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bạc Liêu	4.445.784.206	15.171.428.900
Các đối tượng khác	16.151.733.467	8.614.465.774
Tổng	153.729.273.186	144.465.971.224

Trong đó:

<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>225.000.000</i>	<i>225.000.000</i>
--	--------------------	--------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	8.088.434.012	8.287.110.192	12.152.895.506	4.222.648.698
Thuế giá trị gia tăng	3.985.774.726	4.598.851.335	4.598.851.335	3.985.774.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.740.778.481	1.388.030.309	5.128.808.790	-
Thuế thu nhập cá nhân	224.206.164	1.238.713.802	1.246.879.163	216.040.803
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	726.241.996	726.241.996	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	137.674.641	335.272.750	452.114.222	20.833.169
Phải thu	-	-	1.743.480.342	1.743.480.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.743.480.342	1.743.480.342

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	66.157.626.610	67.875.574.083
Chi phí liên quan đến các dự án	45.595.323.904	48.131.099.770
- Dự án nhà chung cư cao cấp Tân Hương	30.000.000.000	30.000.000.000
- Dự án nhà ở xã hội - Chương Dương Home	-	10.808.865.241
- Dự án đài cọc và khán đài sân bóng đá trường Đại Học Tôn Đức Thắng	7.012.097.386	7.012.097.386
- Công trình Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2	173.773.507	310.137.143
- Gói thầu XL-1: Thi công Hạ tầng kỹ thuật - KDV CN Long Sơn	8.409.453.011	-
Chi phí lãi vay	990.331.346	249.119.160
Các khoản khác	19.571.971.360	19.495.355.153
Tổng	66.157.626.610	67.875.574.083

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.17 Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.694.305.878	14.327.325.262
Kinh phí công đoàn	252.908.245	249.119.160
Bảo hiểm xã hội	1.746.644.357	1.770.402.890
Bảo hiểm y tế	43.164.731	-
Bảo hiểm thất nghiệp	47.106.534	-
Thu hộ cho Công ty TNHH Quản lý nhà Chương Dương - Serland	8.867.061.430	9.485.026.699
Phí bảo trì chung cư	3.058.201.931	1.925.967.056
Lãi vay phải trả	-	182.134.545
Phải trả, phải nộp khác	1.679.218.650	714.674.912
b) Dài hạn	6.649.272.824	6.746.855.267
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	6.649.272.824	6.746.855.267
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-
Tổng	22.343.578.702	21.074.180.529
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>9.744.466.254</i>	<i>9.885.026.699</i>

5.18 Dự phòng phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	21.720.241.138	24.896.890.906
Dự phòng bảo hành cho dự án Chương Dương Home	21.720.241.138	24.896.890.906
Dài hạn	1.040.393.042	1.040.393.042
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.040.393.042	1.040.393.042
Tổng	22.760.634.180	25.937.283.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	370.725.654.310	370.725.654.310	533.724.739.783	501.607.314.482	338.608.229.009	338.608.229.009
<i>Vay ngắn hạn trong năm</i>	364.298.638.480	364.298.638.480	526.987.613.000	495.089.567.690	332.400.593.170	332.400.593.170
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (i)	148.934.573.319	148.934.573.319	162.931.631.648	159.926.448.249	145.929.389.920	145.929.389.920
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	-	15.341.000.674	15.341.000.674	15.341.000.674
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Thủ Đức 2 (ii)	171.195.467.055	171.195.467.055	223.442.055.602	160.505.600.947	108.259.012.400	108.259.012.400
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (iii)	44.168.598.106	44.168.598.106	88.947.478.936	96.548.385.146	51.769.504.316	51.769.504.316
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	-	-	51.666.446.814	62.768.132.674	11.101.685.860	11.101.685.860
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	6.427.015.830	6.427.015.830	6.737.126.783	6.517.746.792	6.207.635.839	6.207.635.839
Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP (iv)	6.427.015.830	6.427.015.830	6.737.126.783	6.517.746.792	6.207.635.839	6.207.635.839
b) Vay dài hạn	150.108.398.272	150.108.398.272	114.983.472.650	8.328.527.086	43.453.452.708	43.453.452.708
Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP (iv)	38.562.095.072	38.562.095.072	2.269.633.086	7.160.990.722	43.453.452.708	43.453.452.708
Trái phiếu phát hành (v)	111.546.303.200	111.546.303.200	112.713.839.564	1.167.536.364	-	-
Tổng	520.834.052.582	520.834.052.582	648.708.212.433	509.935.841.568	382.061.681.717	382.061.681.717
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay các bên liên quan</i>	44.989.110.902	44.989.110.902	9.006.759.869	13.678.737.514	49.661.088.547	49.661.088.547
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>						
<i>Phần trả nợ gốc vay</i>	-	-	-	6.517.746.792	-	-
<i>Phần phân loại lại và biến động khác</i>	-	-	9.006.759.869	7.160.990.722	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/378299/HĐTD ngày 05/9/2022 với các thông tin chi tiết như sau:
- Hạn mức vay: Hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán là 250.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh khác (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 100.000.000.000 VND;
 - Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này, tới đa đến hết ngày 31/8/2023;
 - Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
 - Lãi suất vay: Áp dụng theo từng hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản là hàng tồn kho, quyền đòi nợ hình thành từ các công trình do BIDV tài trợ tín dụng làm tài sản đảm bảo bổ sung.
- (ii) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tp. Thủ Đức 2 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1940-LAV-202200221 ngày 01/7/2022 với các thông tin chi tiết như sau:
- Hạn mức vay: Hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 280.000.000.000 VND. Trong đó, dư nợ cho vay tối đa 230.000.000.000 VND;
 - Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này, đến hết ngày 01/7/2023;
 - Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2022-2023;
 - Lãi suất vay: Mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 6,5%, trường hợp nhận nợ từ hai lần trở lên lãi suất cho vay được xác định trên từng giấy nhận nợ;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản là toàn bộ hợp đồng tiền gửi của Công ty mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh TP. Thủ Đức II, tổng giá trị hợp đồng tiền gửi là 103.000.000.000 VND; Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất tại tầng 3 công trình thương mại, dịch vụ tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-CDC ngày 15/8/2022 với các thông tin chi tiết như sau:
- Hạn mức vay: Hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 100.000.000.000 VND;
 - Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này, đến hết ngày 15/8/2023;
 - Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Lãi suất vay: Áp dụng theo từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản là tiền gửi có kỳ hạn mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (iv) Vay dài hạn Tổng Công ty Xây dựng số 1 - C.TCP theo Hợp đồng tín dụng vay lại vốn vay ADB số 02/2016/HỆTD-ADB/CC1-CDC ngày 15/3/2016 với các thông tin chi tiết như sau:
- Số tiền vay là: 3.000.000 USD;
 - Thời hạn cấp hạn mức vay: 15 năm bao gồm 5 năm ân hạn;
 - Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Lãi suất vay: Lãi suất trung bình 6 tháng của các ngân hàng lớn bằng đồng USD theo thông báo của ADB 6 tháng/lần;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Tầng 1 và tầng 2 Khu thương mại dịch vụ Central Garden;
 - Số dư nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2022 là 6.427.015.830 VND tương đương với 270.839,27 USD;
 - Số dư nợ gốc vay dài hạn tại ngày 31/12/2022 là 38.562.095.072 VND tương đương với 1.625.035,61 USD.

- (v) Công ty phát hành trái phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chương Dương số 140/NQ-HĐQT-CDC ngày 11/11/2021. Thông tin chi tiết như sau:

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
- Phát hành theo mệnh giá	111.950.000.000			
+ Trái phiếu mã CDCH2124001	111.950.000.000	11%/năm		
Tổng	111.950.000.000			

- Ngày phát hành: 26/11/2021; ngày đáo hạn: 26/11/2024.
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo;
- Mã trái phiếu: CDCH2124001;
- Hình thức: trái phiếu phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Tổng số tiền thực tế thu được từ việc phát hành trái phiếu: 111.950.000.000 VND, tương đương 1.119.500 trái phiếu;
- Kỳ tính lãi: 06 tháng/lần;
- Ngày thanh toán lãi: thanh toán định kỳ 6 tháng một lần;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Mục đích sử dụng trái phiếu: Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại và các cơ sở đào tạo tại dự án Nhà ở Xã hội Chương Dương Home và Tân Hương, bổ sung vốn cho hoạt động xây lắp và các hoạt động kinh doanh khác.
- Điều khoản mua lại: sau 12 tháng kể từ ngày phát hành, Công ty có quyền yêu cầu mua lại trái phiếu đã phát hành; sau 24 tháng kể từ ngày phát hành, Chủ sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Công ty mua lại số trái phiếu do mình sở hữu. Công ty có nghĩa vụ mua lại số trái phiếu này từ Chủ sở hữu trái phiếu nhưng không vượt quá 50% số lượng trái phiếu được phát hành.
- Bảo đảm cho trái phiếu: i/ tòa nhà văn phòng tại Võ Văn Kiệt, quy mô 10 tầng, 1 hẻm, tổng diện tích sàn là 360 m², hẻm 1.000 m²; ii/ 50% số lượng cổ phần đang lưu hành tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 525 - một Công ty con của Công ty.

Chi tiết số tiền sử dụng từ đợt phát hành trái phiếu như sau:

- Chi mua thép (hoạt động xây lắp, dự án): 98.798.750.000 VND;
- Chi mục đích khác (nhận chuyển nhượng đất): 13.202.440.000 VND;
- Chi phí phát hành trái phiếu: 1.169.283.164 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	157.064.060.000	77.142.009.600	2.710.117.680	12.511.975.774	249.428.163.054
Tăng vốn trong năm trước	62.823.100.000	(62.823.100.000)	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	22.029.102.018	22.029.102.018
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.390.982.969	(1.390.982.969)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(834.589.781)	(834.589.781)
Số dư tại ngày 31/12/2021	219.887.160.000	14.318.909.600	4.101.100.649	32.315.505.042	270.622.675.291
Số dư tại ngày 01/01/2022	219.887.160.000	14.318.909.600	4.101.100.649	32.315.505.042	270.622.675.291
Lãi trong năm nay	-	-	-	9.142.787.587	9.142.787.587
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	1.532.633.595	(1.532.633.595)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(919.580.157)	(919.580.157)
Số dư tại ngày 31/12/2022	219.887.160.000	14.318.909.600	5.633.734.244	39.006.078.877	278.845.882.721

Đơn vị tính: VND

(i) Công ty trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 41/NQ-DHĐCĐ ngày 25/4/2022, thông tin chi tiết như sau:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 3% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với giá trị là 919.580.157 VND;
- Quỹ đầu tư phát triển: 5% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với giá trị là 1.532.633.595 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tai ngày 31/12/2022			Tai ngày 01/01/2022		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	5.226.687	23,77%	52.266.870.000	5.226.687	23,77%	52.266.870.000
Các cổ đông khác	16.762.029	76,23%	167.620.290.000	16.762.029	76,23%	167.620.290.000
Tổng	21.988.716	100,00%	219.887.160.000	21.988.716	100,00%	219.887.160.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	219.887.160.000	157.064.060.000
Vốn góp tăng trong năm	-	62.823.100.000
Vốn góp tại cuối năm	219.887.160.000	219.887.160.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.988.716	21.988.716
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.988.716	21.988.716
Cổ phiếu phổ thông	21.988.716	21.988.716
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.988.716	21.988.716
Cổ phiếu phổ thông	21.988.716	21.988.716
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.633.734.244	4.101.100.649

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

a. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành. Thông tin các lô đất như sau: Lô đất tại 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1 với tổng diện tích là 360,8 m². Công ty thanh toán số tiền thuê đất này theo hình thức trả tiền hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	168.568.917.223	225.218.227.889
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	24.760.079.469	26.700.672.240
Doanh thu hợp đồng xây dựng	438.239.593.804	115.983.756.220
Doanh thu kinh doanh bất động sản	24.109.934.536	81.705.491.199
Tổng	655.678.525.032	449.608.147.548
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (trình bày lại)</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>22.035.753.891</i>	<i>7.400.704.457</i>

(i) Doanh thu của bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty tại Tòa nhà văn phòng cho thuê tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Khu thương mại dịch vụ Central Garden tại số 328 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	167.996.452.304	221.840.328.545
Giá vốn cung cấp dịch vụ (i)	7.762.377.397	15.649.246.365
Giá vốn hợp đồng xây dựng	436.193.892.718	110.660.653.624
Giá vốn kinh doanh bất động sản	17.459.866.695	68.617.145.664
Tổng	629.412.589.114	416.767.374.198

(i) Giá vốn của bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty tại Tòa nhà văn phòng cho thuê tại số 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Khu thương mại dịch vụ Central Garden tại số 328 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.356.712.725	19.927.045.425
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.449.608.000	25.382.100
Lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	423.863.939	704.859.197
Lãi từ khoản hợp tác đầu tư	3.740.426.769	970.164.467
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	72.328.767	-
Tổng	23.042.940.200	21.627.451.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	30.263.368.424	9.519.055.555
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	2.999.828.782	706.543.092
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.252.874.683	203.597.925
Tổng	34.516.071.889	10.429.196.572
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>1.395.216.294</i>	<i>1.058.989.272</i>

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.774.998.830	9.165.553.545
Chi phí vật liệu quản lý	516.581.138	802.698.487
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.072.003.903	724.082.498
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(106.775.663)	9.159.416.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.482.641.588	638.335.507
Chi phí khác	4.777.542.569	2.257.471.226
Tổng	16.516.992.365	22.747.557.615

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Lãi chậm trả	13.095.373.704	-
Thu nhập từ xóa sổ các khoản nợ phải trả không rõ đối tượng	70.503	5.558.291.568
Các khoản khác	335.279.800	694.435.751
Tổng	13.430.724.007	6.252.727.319
Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	457.093.830	-
Tiền phạt hợp đồng kinh tế	705.037.966	-
Chi phí khác	13.586.179	485.603.987
Tổng	1.175.717.975	485.603.987
Lợi nhuận khác	12.255.006.032	5.767.123.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí mua hàng hóa	167.966.178.627	221.840.328.545
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	617.288.101	27.089.758.942
Chi phí nhân công	24.140.448.373	16.451.336.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.139.293.679	2.776.122.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.800.972.410	175.526.352.461
Chi phí khác	20.206.161.990	26.349.123.131
Tổng	629.870.343.180	470.033.021.430

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.530.817.896	27.058.593.684
Các khoản điều chỉnh tăng	841.256.662	768.861.185
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>841.256.662</i>	<i>768.861.185</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	4.449.608.000	25.382.100
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>4.449.608.000</i>	<i>25.382.100</i>
Thu nhập chịu thuế	6.922.466.558	27.802.072.769
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp, trong đó:	6.922.466.558	27.802.072.769
<i>Hoạt động kinh doanh thông thường</i>	<i>5.485.966.028</i>	<i>21.567.545.415</i>
<i>Hoạt động bán nhà ở xã hội</i>	<i>1.436.500.530</i>	<i>6.234.527.350</i>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho		
<i>Hoạt động kinh doanh thông thường</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<i>Hoạt động bán nhà ở xã hội</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, trong đó:	1.240.843.259	4.936.961.818
<i>Hoạt động kinh doanh thông thường</i>	<i>1.097.193.206</i>	<i>4.313.509.083</i>
<i>Hoạt động bán nhà ở xã hội</i>	<i>143.650.053</i>	<i>623.452.735</i>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	147.187.050	92.529.848
Tổng	1.388.030.309	5.029.491.666

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 15/2/2022, Công ty nộp đơn khởi kiện Trường Đại học Tôn Đức Thắng tại Tòa án nhân dân quận 7, TP. Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế. Trong đơn khởi kiện, Công ty đề nghị Tòa án Nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh tuyên buộc Trường Đại học Tôn Đức Thắng hoàn trả tổng số tiền là 4.307.246.285 VND, trong đó số tiền nợ gốc là 3.845.755.611 VND, lãi quá hạn thanh toán là 461.490.674 VND. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp, vụ kiện đang được thụ lý bởi Tòa án nhân dân quận 7, TP. Hồ Chí Minh, do vậy, kết quả của vụ kiện và các ảnh hưởng (nếu có) chưa được xác nhận trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Các cam kết khác

a. Cam kết góp vốn

Theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐQT ngày 27/9/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chương Dương về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phú Chương thực hiện dự án Khu dân cư Đông Cầu Hương An, tỉnh Quảng Nam, Công ty thực hiện thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phú Chương với vốn điều lệ là 85.000.000.000 VND, trong đó Công ty Cổ phần Chương Dương chiếm 41% vốn điều lệ tương đương là 35.000.000.000 VND. Thời gian và tiến độ góp vốn: Từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2022. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phú Chương.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 525	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kết cấu thép Chương Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Quản lý nhà Chương Dương - Serland	Công ty con
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương số 1	Công ty con
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Tư vấn Đầu Tư Xây dựng Chương Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết
Công ty TNHH Chương Dương E&C	Công ty con
Các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Hồ Đình Thuận	Chủ tịch HĐQT	1.574.000.000	680.654.000
Ông Văn Minh Hoàng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.411.000.000	669.811.289
Ông Lê Văn Chính	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.026.750.000	516.895.862
Ông Nguyễn Ngọc Tài	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	235.100.450
Ông Trần Mai Cường	Thành viên HĐQT	168.000.000	162.695.871
Ông Trần Việt Đức	Thành viên HĐQT	154.000.000	119.700.000
Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Thành viên HĐQT		78.941.721
Ông Nguyễn Chí Tùng	Thành viên HĐQT (Bầu bổ sung ngày 29/11/2022)	447.670.000	248.124.364
Tổng		4.781.420.000	2.711.923.557

c. Thu nhập của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 (Trình bày lại) VND
Ông Lê Minh Thành	Trưởng BKS	641.799.000	288.384.490
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên BKS	96.000.000	96.000.000
Ông Đào Văn Sơn	Thành viên BKS (Bầu bổ sung ngày 29/11/2022)	8.000.000	-
Ông Nguyễn Chí Tùng	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 26/10/2022)	(i)	(i)
Tổng		745.799.000	384.384.490

(i) Ông Nguyễn Chí Tùng được bầu bổ sung là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chương Dương từ ngày 29/11/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Giao dịch mua hàng			32.103.746.026	53.034.554.897
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	Mua hàng hóa	21.669.541.896	50.314.594.422
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty l iên kết	Mua dịch vụ	-	1.128.077.412
Công ty TNHH MTV Kết Cấu Thép Chương Dương	Công ty con	Mua dịch vụ	2.173.645.468	-
Công ty TNHH MTV Quản lý nhà Chương Dương - Serland	Công ty con	Mua dịch vụ	718.565.659	259.731.975
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 525	Công ty con	Mua dịch vụ	7.541.993.003	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu Tư Xây dựng Chương Dương	Công ty con	Mua dịch vụ	-	1.332.151.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
<u>Giao dịch bán hàng</u>			22.035.753.891	7.400.704.457
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Bán hàng hóa	-	(330.758.071)
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	Bán hàng hóa	21.838.171.115	5.645.189.547
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	23.037.320	15.237.258
Công ty TNHH MTV Kết Cấu Thép Chương Dương	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	1.940.126.637
Công ty TNHH MTV Quản lý nhà Chương Dương - Serland	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	174.545.456	130.909.086
<u>Chi phí tài chính</u>			1.395.216.294	1.058.989.272
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Phí quản lý khoản vay	404.470.834	552.037.460
		Chi phí lãi vay	990.745.460	506.951.812
<u>Giao dịch vay vốn</u>			6.517.746.792	6.221.854.901
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Trả nợ vay	6.517.746.792	6.221.854.901
<u>Giao dịch góp vốn</u>			-	81.000.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý nhà Chương Dương - Serland	Công ty con	Góp vốn	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 525	Công ty con	Góp vốn	-	71.000.000.000
<u>Giao dịch thu - chi hộ</u>			35.056.039.953	47.142.238.267
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	Chi phí chi hộ	300.000.000	1.835.291.502
Công ty TNHH MTV Kết Cấu Thép Chương Dương	Công ty con	Chi phí chi hộ	240.000.000	154.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 525	Công ty con	Chi phí chi hộ	135.000.000	20.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý nhà Chương Dương - Serland	Công ty con	Thu hộ	26.853.357.797	27.308.986.732
		Chi hộ	7.527.682.156	17.823.960.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư với các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2022</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>			
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	6.718.821.671	9.301.595.563
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	2.516.714.823	5.124.829.767
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	4.168.377.628	4.168.377.628
		33.729.220	8.388.168
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>			
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	37.652.731.651	17.950.455.566
Công ty TNHH MTV Kết cấu thép Chương Dương	Công ty con	19.702.276.085	-
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương số 1	Công ty con	503.266.968	503.266.968
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	Công ty con	13.457.377.032	13.457.377.032
Công ty TNHH Tư vấn Đầu Tư Xây dựng Chương Dương	Công ty con	3.752.906.547	3.752.906.547
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	75.000.000	75.000.000
		161.905.019	161.905.019
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>			
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 525	Công ty con	7.082.149.502	1.839.291.502
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	4.604.608.000	20.000.000
Công ty TNHH MTV Kết cấu thép Chương Dương	Công ty con	1.685.291.502	1.385.291.502
Công ty TNHH Tư vấn Đầu Tư Xây dựng Chương Dương	Công ty con	394.000.000	184.000.000
Công ty TNHH Chương Dương E&C	Công ty con	343.250.000	250.000.000
		55.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2022</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		26.790.460.708	21.753.819.931
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	61.686.189	61.686.189
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	23.746.603.548	19.044.359.663
Công ty TNHH MTV Kết cấu thép Chương Dương	Công ty con	1.248.720.810	914.323.918
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương số 1	Công ty con	25.523.037	25.523.037
Công ty TNHH Tư vấn Đầu Tư Xây dựng Chương Dương	Công ty con	116.247.681	116.247.681
Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	1.591.679.443	1.591.679.443
<u>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</u>		225.000.000	225.000.000
Công ty TNHH MTV Kết cấu thép Chương Dương	Công ty con	225.000.000	225.000.000
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>		9.744.466.254	9.885.026.699
Công ty TNHH MTV Kết cấu thép Chương Dương	Công ty con	877.404.824	400.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý nhà Chương Dương - Serland	Công ty con	8.867.061.430	9.485.026.699
<u>Vay ngắn hạn</u>		6.427.015.830	6.207.635.839
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	6.427.015.830	6.207.635.839
<u>Vay dài hạn</u>		38.562.095.072	43.453.452.708
Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	38.562.095.072	43.453.452.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Người lập biểu

Cao Thị Thanh Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Mỹ

Tổng Giám đốc



Văn Minh Hoàng



CPA VIETNAM

Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org